

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06/BH-NH/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 058.3620040 Fax: 058.3620143

Email: duongninhhoa@nhs.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4200636590

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 648308

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường Vàng Thiên Nhiên (Natural Gold Sugar)**

2. Thành phần: Đường mía (Saccharose $\geq 98.5\%$)

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao gói: được chứa trong 2 lớp bao bì: PE bên trong và PP bên ngoài
- Khối lượng tịnh: 25 kg, 50 kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ:

Tên công ty sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào.

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu:

Tên công ty nhập khẩu: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Đính kèm mẫu nhãn của sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	CFU/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	CFU/10g	10

3. Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Coliforms	CFU/1g	100
2	E.Coli	CFU/1g	3
3	Staphylococcus	CFU/1g	100
4	Salmonella	SSP/25g	Không có
5	Aflatoxin B1	µg/kg	5
6	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

5.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng tinh thể hoặc dạng bột.
- Mùi vị: Mùi thơm ngọt đặc trưng, vị ngọt.
- Màu sắc: Từ màu vàng sáng đến tối

5.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 98.5

2	Độ ẩm	%	≤ 0.4
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 2500
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 0.3
5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.35

5.3 Thông tin dinh dưỡng trong 100g đường

Sst	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal	399
2	Tổng số Cacbohydrat	%	99.9

5.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

Sst	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

6. Hướng dẫn bảo quản: Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

7. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Hòa, ngày 21...tháng 12 năm 2018



ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Lê Quốc Phong



Handwritten signature

Lê Quốc Phong

150 mm

30 mm

BIÊN HÒA - ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN 25 KG

BIÊN HÒA - ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN 25 KG

NSX/MFG: dd.mm.yy ABC số seri D



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN NATURAL GOLD SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 25 kg

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE $\geq$ 98.5 %

Sản phẩm của

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam • ĐT: (0251) 3836 199 • Website: www.bhs.vn



- SỬ DỤNG THUẬT TIẾP XA ĐƯỢC TRONG CHẾ SỬ DỤNG PHÁP
 - BẢO QUẢN NƠI KHÖA, TRÁNH ẨM
 - TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ ĐÓNG ANH NẮNG MẶT TRỜI
 - SỬ DỤNG TỐI NHẤT TRONG 2 NĂM KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
- © 2015 SUGAR 62 YEARS & MORE PRIVATE LIMITED

NHẬP KHẨU ĐỐI: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - BÌNH HÒA
ĐỊA CHỈ: THÔN PHƯỚC LAM, XÃ BÌNH KIỆT, THỊ XÃ BÌNH HÒA,
TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM
SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
ĐỊA CHỈ: DÂN NÁ VUOL, HUYỆN PHU VŨNG, TỈNH ATTAPEU, LAO



Lê Quốc Phong



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN NATURAL GOLD SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): **50 kg**

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE $\geq 98.5\%$

Sản phẩm của

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam • ĐT: (0251) 3836 199 • Website: www.bhs.vn



TTC

Nhập khẩu bởi: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa. Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Sản xuất tại: Công ty TNHH MTV Mía Đường TTC ATTAPEU. Địa chỉ: Bản Nà Sước, Huyện Phú Vông, Tỉnh Attapeu, Lào.

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ BẢO, THOÁNG NHẠT
- TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ ĐƯỢC ANH NANG MẮT TRỜI
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 1 NĂM KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

BEST BEFORE 12 MONTHS FROM PRODUCTION DATE



Chỉ sử dụng với kỹ thuật
sản xuất đường mía đúng quy định

NS/MKG, NO. 157H, 1234-07



SGS

Report N°: 18111300B5

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: November 13, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 13/11/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/11528-2
Đơn hàng: FDL18/11528-2

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : BẢN NA SƯỞC, HUYỆN PHU VÔNG, TỈNH ATTAPEU, LÀO
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: SUGAR Đường
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 1kg) in plastic bag Mẫu (khoảng 1kg) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN – NATURAL GOLD SUGAR
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: November 06, 2018 06/11/2018
Testing period Thời gian thử nghiệm	: November 06 – November 13, 2018 06/11/2018 – 13/11/2018
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

**SGS****Report N°: 18111300B5**

Page N°: 2/ 5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay

Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra

Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>

**SGS****Report N°: 18111300B5**

Page N°: 3/ 5

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	PrEN 15662:2017	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrine (sum of isomers) <i>Cypermethrine (tổng các đồng phân)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng của isomers)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	NMKL Method No. 195, 2013 (*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgs.site.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>

**SGS****Report N°: 18111300B5****Page N°: 4/ 5**

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	NMKL Method No. 195, 2013 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axit), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631 – 639 ^(*)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.02	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện
- ^(*) The method is not currently within the ISO 17025 accreditation scope/Phương pháp chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay
Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

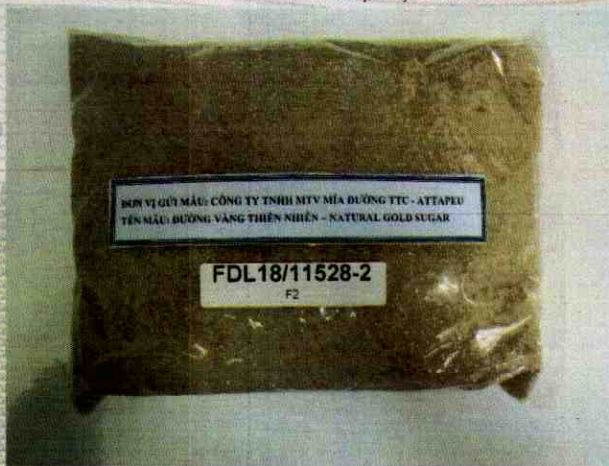
This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
(www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability,
indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at
the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to
a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents.
Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this
document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgs.site.sgs.com/en/v2/commior/certificate/authenticateCertificate.jsp>.



PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
 Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác
 END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
 Lâm Văn Xư



Lâm Văn Xư

Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
 The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/verifycertificate/authenticateCertificate.jsp>.

KT3-07098BTP8/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/11/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN – NATURAL GOLD SUGAR
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 02/11/2018
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/11/2018 – 15/11/2018
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
Bản Na Sước, Huyện Phú Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ Pol ở 20 °C Polarization at 20 °C	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.2. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	GS2/1/3/9-15 (2007) ICUMSA	-	3,55 x 10 ⁻²
7.3. Hàm lượng đường khử, g/100 g Reducing sugars content	GS1-5 (2009) ICUMSA	-	8,51 x 10 ⁻²
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện, g/100 g Conductivity ash content	GS1/3/4/7/8-13 (1994) ICUMSA	-	3,10 x 10 ⁻²
7.5. Màu ICUMSA / Colour, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA	-	684
7.6. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg Insoluble solids content	GS1-24 (2017) ICUMSA	-	22,1
7.7. Hàm lượng đồng, mg/100 g Copper content	AOAC 2016 (999.11)	1,20 x 10 ⁻²	Nhỏ hơn 3,60 x 10 ⁻² Less than
7.8. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	0,01	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 083 : 2012	0,03	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064 : 2016	0,015	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS2/1/7/9-33 (2011) ICUMSA	-	0,41
7.13. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	AOAC 2016 (991.31)		
• B1		0,25	Không phát hiện Not detected
• B2		0,10	Không phát hiện Not detected
• G1		0,25	Không phát hiện Not detected
• G2		0,10	Không phát hiện Not detected

KT3-07098BTP8/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/11/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN – NATURAL GOLD SUGAR
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 02/11/2018
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/11/2018 – 15/11/2018
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
Bản Na Sước, Huyện Phú Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Biên Hòa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

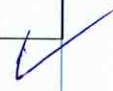
Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g Total mesophilic bacterial count	GS2/3-41 (2011) ICUMSA 2017	-	3,3 x 10 ¹
7.2. E.Coli giả định, MPN/g Presumptive E.Coli	ISO 7251 : 2005	-	0
7.3. Salmonella spp/ 25 g	ISO 6579 -1:2017	-	Âm tính Negative
7.4. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3-47 (2015) ICUMSA 2017	-	Không phát hiện Not detected
7.5. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3-47 (2015) ICUMSA 2017	-	Không phát hiện Not detected





Certificate of registration

The Food Safety Management System of

BIEN HOA - NINH HOA SUGAR ONE MEMBER CO. LTD.

at

**Phuoc Lam Village, Ninh Xuan Commune, Ninh Hoa District,
Khánh Hòa Province, Vietnam**

has been assessed and determined to comply with
the requirements of

**Food Safety System Certification (FSSC) 22000
(Version 4.1)**

Certification scheme for food safety management systems consisting of the following elements:
ISO 22000:2005, ISO/TS 22002-1:2009 and
Additional FSSC 22000 requirements (version 4.1).

This certificate is applicable for the scope of:

The manufacture of refined sugar.

Food Chain (Sub)Category: CIV

Certificate of registration number: *FSSC 648308*

Certification decision date: 2019-01-09

Initial certification date: 2016-06-09

Issue date: 2019-01-15

Valid until: 2019-06-08

Authorized by:

Marc Barnes
Global Director - Food



Accredited Certification Body: BSI Assurance UK Limited, 389 Chiswick High Road, London W4 4AL United Kingdom

Issued by: BSI Group ANZ Pty Ltd. ACN 078 659 211. Suite 2, Level 7, 15 Talavera Road, Macquarie Park NSW 2113 Australia

Validity of this certificate can be verified in the
FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com.